| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TUY PHONG**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.** |

Bản án số: **30**/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 21/12/2017
*V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con chung".*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
## TỈNH BÌNH THUẬN

**Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Trọng Di
2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:** Ông Đắc Quốc Tuân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

---

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 336/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc: *"Không công nhận vợ chồng, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, số: 33/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa, số: 23/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** bà Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm: 1978
Địa chỉ: thôn HT, xã C, huyện TP, Bình Thuận.

**** Bị đơn*:** ông Trần Ngọc S, sinh năm: 1975
Địa chỉ: khu phố ST 01, thị trấn PRC, huyện TP, Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Quỳnh T trình bày**:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Trần Ngọc S tự nguyện sống chung từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn vì bà không tin tưởng vào cuộc hôn nhân này. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Bà và ông S đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Nay cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử không công nhận bà và ông S là vợ chồng.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Trần Nguyễn Thiên X, sinh ngày 24/6/2002 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 31/01/2011 (giới tính: Nam).

Nguyện vọng của bà là nhận nuôi dưỡng và giáo dục cháu X và cháu Th cho đến khi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên hòa giải bị đơn ông Trần Ngọc S trình bày**:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn; cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, bất đồng về kinh tế không thể hòa hợp được, ông muốn níu kéo nhưng không được vì bà T cương quyết muốn bỏ ông, ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong mở phiên tòa xét xử không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung: vợ chồng có có 02 con chung là Trần Nguyễn Thiên X, sinh ngày 24/6/2002 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 31/01/2011 (giới tính: Nam).

Nguyện vọng của ông là giao các con cho bà T nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận mối quan hệ giữa các bên là vợ chồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Trần Ngọc S có nơi cư trú tại khu phố ST 01, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Quỳnh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Tuy Phong được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã triệu tập và tống đạt các văn bản, QĐXX, QĐ hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Ngọc S vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh T, HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng, bà Nguyễn Thị Quỳnh T và ông Trần Ngọc S có đủ điều kiện đăng ký kết hôn hợp pháp nhưng đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn. Bà T, ông S không còn sống chung với nhau từ năm 2012 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù mâu thuẫn trong cuộc sống giữa bà T và ông S đã thật sự trầm trọng nhưng HĐXX không thể cho ông, bà ly hôn như yêu cầu mà cần phải áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Quỳnh T và ông Trần Ngọc S là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: bà T và ông S có 02 con chung là Trần Nguyễn Thiên X, sinh ngày 24/6/2002 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 31/01/2011 (giới tính: Nam). Bà T và ông S đã thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của các đương sự cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Nguyễn Thiên X mong muốn được ở với mẹ nên HĐXX giao các con cho bà T nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: bà T và ông S tự thỏa thuận với nhau về vấn đề tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét quan hệ này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

*Bởi các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1/ Áp dụng**:

- Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

**2/ Tuyên xử**:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Quỳnh T và ông Trần Ngọc S là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: bà T và ông S có 02 con chung Trần Nguyễn Thiên X, sinh ngày 24/6/2002 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 31/01/2011 (giới tính: Nam).

Giao các con X, Th cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con tròn 18 tuổi.

Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh T và ông Trần Ngọc S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con sau khi ly hôn.

Ông Trần Ngọc S được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Bà T không được ngăn cản ông S việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản và nợ chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Quỳnh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014179 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong; bà T đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị Quỳnh T là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (21/12/2017), và ông Trần Ngọc S là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Bích Ngọc**

**Nơi nhận**:
- *Các đương sự*;
- *VKSND (Tỉnh - Huyện);*
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *Chi cục THADS huyện Tuy Phong;*
- *UBND TT. PRC;*
- *UBND xã C;*
- *Lưu.*